TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **235**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2023
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Thanh Huyền**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST – HN&GĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HPT ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh NNTS, sinh năm xxxx; Căn cước công dân số: 001xxxxxxxxx ngày cấp 10/07/2021 tại Cục cảnh sát quản lí hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: số xxx tổ xx ngõ xxx Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị TPA, sinh năm xxxx; Căn cước công dân số: 001xxxxxxxxx ngày cấp 07/9/2018 tại Cục cảnh sát quản lí hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: số xx Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Anh Sinh có mặt, chị PA vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh NNTS trình bày như sau:***

- Về tình cảm: Tôi và chị TPA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội ngày xx tháng xx năm xxxx. Trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và thấy tình cảm hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 20xx đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị PA, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị PA.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là NNGB, sinh ngày xx tháng xx năm 20xx. Ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con cho chị PA nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con. Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom con chung của tôi. Bởi từ khi vợ chồng tôi sống ly thân con đã ra sống cùng mẹ, nên để ổn định cho con, tôi tự nguyện để chị PA tiếp tục nuôi con tôi. Tôi không muốn việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tới tâm lý và sự phát triển của con.

- Về tài sản chung và nhà ở: Tôi xác nhận không có tài sản chung, không có nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Tôi xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định về việc thu thập chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28,35,39,68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các văn bản tố tụng tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 196, Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; điểm b khoản 2 Điều 227 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Vợ chồng có một con chung là cháu NNGB, sinh ngày xx tháng xx năm 20xx. Theo quan điểm trình bày trong bản tự khai và tại phiên tòa của anh S, ý kiến của gia đình nên để bảo đảm cuộc sống tốt nhất cho cháu B, đề nghị giao cháu B cho chị PA là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/con từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật; Không ai được cản trở việc đi lại, thăm con chung của anh S. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ nguyên đơn xác nhận không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là anh NNTS có đơn xin ly hôn đối với chị TPA có đăng ký hộ khẩu tại số xx Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NNTS và chị TPA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày xx tháng xx năm xxxx tại UBND phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm xxxx thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm xxxx đến nay. Xét mâu thuẫn của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã từ rất lâu, đặc biệt mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm xxxx cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn đến Tòa để trình bày nguyện vọng cũng như hòa giải nhưng bị đơn cố tình không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện bị đơn không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh S xin ly hôn chị PA là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh NNTS đối với chị TPA.

[2.2] Về con chung: Anh S xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu NNGB, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng giao cháu B cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/con từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh S được đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Xét thấy, như anh S trình bày trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa thì kể từ năm xxxx khi bố mẹ sống ly thân cháu B đã chuyển ra sống cùng mẹ. Việc sống với mẹ là thuận tiện cho việc học tập, sinh hoạt của cháu. Trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án có lấy ý kiến của gia đình anh S và cháu B. Gia đình anh S – mẹ đẻ anh S cũng có mong muốn để cháu B tiếp tục sống cùng mẹ để đảm bảo cuộc sống. Bản thân cháu B cũng trình bày ý kiến là xin được ở cùng mẹ.

Từ những quan điểm trên Hội đồng xét xử, quyết định giao cháu B cho chị PA là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để bảo đảm cuộc sống và sinh hoạt tốt nhất cho cháu B. Anh S có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/con từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh S được đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh S xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh tự lo về nhà ở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của anh S trong đó có yêu cầu về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung. Tuy nhiên bị đơn không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở và công nợ chung. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ để xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung khi anh S, chị PA có đơn yêu cầu.

[2.4] Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông LVK - Tổ trưởng tổ dân phố số xx, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, cho biết: anh NNTS và chị TPA có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu NNGB, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: Tổ dân phố không nắm rõ. Nay anh S khởi kiện xin ly hôn, tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Anh **NNTS**;

Anh **NNTS** được ly hôn với chị **TPA**.

2. Về con chung: Anh NNTS và chị TPA có một con chung là cháu NNGB, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Giao chị PA là người trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung. Anh S có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/con từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh S được đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh NNTS không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung khi anh S, chị PA có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Anh NNTS không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số **000xxxx** ngày xx tháng xx năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *UBND phường nơi ĐKKH;*
- *Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt